CHỨNG KHOÁN ALPHA

Theo dấu dòng tiền

# TOP CỔ PHIẾU

## Ngày 16 tháng 11, 2026



Xem thêm

Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading

# Đột biến khối lượng



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá

| STT | Mã | Ngày | Giá đóng cửa | KLGD | KL TB 30P | Gấp TB 30P |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | AMS | 13/11/2026 | 10.3 | 515.800 | 85.730 | 06.02 |
| 2 | REE | 13/11/2026 | 49.9 | 2.604.700 | 528.030 | 4.93 |
| 3 | TAL | 13/11/2026 | 25.1 | 1.035.000 | 243.337 | 4.25 |
| 4 | VCP | 13/11/2026 | 40.2 | 571.200 | 141.183 | 04.05 |
| 5 | POW | 13/11/2026 | 13.05 | 18.532.100 | 5.624.804 | 3.29 |
| 6 | CTD | 13/11/2026 | 76 | 1.946.800 | 640.637 | 3.4 |
| 7 | GMD | 13/11/2026 | 55 | 5.213.400 | 2.055.053 | 2.54 |
| 8 | NAB | 13/11/2026 | 13.2 | 6.407.900 | 2.662.893 | 2.41 |
| 9 | HDG | 13/11/2026 | 16.4 | 2.739.400 | 1.151.557 | 2.38 |
| 10 | HNG | 13/11/2026 | 5.7 | 3.071.400 | 1.308.583 | 2.35 |
| 11 | NLG | 13/11/2026 | 25 | 3.577.100 | 1.651.073 | 2.17 |
| 12 | VPX | 13/11/2026 | 23.5 | 1.085.500 | 539.647 | 02.01 |
| 13 | SZC | 13/11/2026 | 20.85 | 1.508.300 | 758.210 | 1.99 |
| 14 | VJC | 13/11/2026 | 139.4 | 1.853.500 | 971.897 | 1.91 |
| 15 | VCG | 13/11/2026 | 15.1 | 6.627.800 | 3.697.417 | 1.79 |
| 16 | FPT | 13/11/2026 | 50.1 | 14.372.200 | 8.217.080 | 1.75 |
| 17 | LPB | 13/11/2026 | 36.25 | 3.059.300 | 1.950.240 | 1.57 |
| 18 | MSB | 13/11/2026 | 16.4 | 15.330.800 | 9.968.433 | 1.54 |
| 19 | GEX | 13/11/2026 | 21.5 | 12.117.100 | 7.990.447 | 1.52 |
| 20 | KDH | 13/11/2026 | 15.07 | 11.139.900 | 7.519.380 | 1.48 |
| 21 | ELC | 13/11/2026 | 10.5 | 819.900 | 554.587 | 1.48 |
| 22 | MST | 13/11/2026 | 8.8 | 1.489.700 | 1.073.560 | 1.39 |
| 23 | VEA | 13/11/2026 | 31.1 | 946.100 | 701.137 | 1.35 |
| 24 | HUT | 13/11/2026 | 12.6 | 2.785.000 | 2.110.683 | 1.32 |
| 25 | VCK | 13/11/2026 | 27.5 | 2.394.200 | 1.872.873 | 1.28 |
| 26 | CTS | 13/11/2026 | 23.1 | 2.343.900 | 1.824.923 | 1.28 |
| 27 | BSI | 13/11/2026 | 28.06 | 692.900 | 566.873 | 1.22 |
| 28 | BAF | 13/11/2026 | 30.95 | 2.152.700 | 1.804.547 | 1.19 |
| 29 | VNM | 13/11/2026 | 53.6 | 2.391.600 | 2.103.073 | 1.14 |



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

| STT | Mã CK | Ngày | Giá đóng cửa | TBKL 10 phiên | RSI(14) | MA 200 | % Close - MA200 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CTS | 13/11/2026 | 23.1 | 2.524.630 | 62.23 | 22.54 | 2.48 |
| 2 | DRI | 13/11/2026 | 13.05 | 744.450 | 40.63 | 12.92 | 4.49 |
| 3 | MST | 13/11/2026 | 8.8 | 954.510 | 42.44 | 8.68 | 1.39 |
| 4 | NKG | 13/11/2026 | 12.35 | 6.746.230 | 62.7 | 11.95 | 3.31 |
| 5 | ORS | 13/11/2026 | 14.35 | 4.094.570 | 51.51 | 13.61 | 5.45 |
| 6 | PVP | 13/11/2026 | 17.95 | 910.850 | 36.17 | 17.01 | 5.54 |
| 7 | PVT | 13/11/2026 | 21.1 | 3.945.550 | 40.82 | 20.75 | 1.69 |
| 8 | STB | 13/11/2026 | 71.2 | 3.216.640 | 59.48 | 69 | 3.18 |
| 9 | TCB | 13/11/2026 | 21.85 | 12.048.990 | 49.42 | 21.4 | 2.12 |
| 10 | TCH | 13/11/2026 | 13.5 | 11.634.840 | 72 | 13.08 | 3.25 |
| 11 | VJC | 13/11/2026 | 139.4 | 1.062.230 | 76.01 | 130.56 | 6.77 |
| 12 | VPB | 13/11/2026 | 22.1 | 14.163.550 | 43.38 | 21.43 | 3.12 |

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu



## Vượt đỉnh 1 năm

## Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

| STT | Mã | Giá | H13W | KLTB 10 phiên |
|---|---|---|---|---|
| 1 | CTD | 76 | 73.5 | 943.430 |
| 2 | NAB | 13.2 | 13 | 3.118.920 |
| 3 | REE | 49.9 | 49.3 | 920890 |
| 4 | SZC | 20.85 | 20.75 | 1.128.940 |
| 5 | TAL | 25.1 | 24.9 | 365.230 |
| 6 | VJC | 139.4 | 138 | 1.062.230 |
| 7 | VPL | 94 | 94 | 655.420 |

## Phá đáy 3 tháng

## Phá đáy 1 năm

| STT | Mã CK | Giá | Thấp nhất 1 năm | TBKL 10 phiên |
|---|---|---|---|---|
| 1 | ACC | 3.4 | 3.33 | 197.130 |
| 2 | API | 3.7 | 3.7 | 180.160 |
| 3 | CCL | 2.84 | 2.81 | 46.130 |
| 4 | CRC | 4.75 | 4.75 | 254.670 |
| 5 | CSC | 7.8 | 7.8 | 35.100 |
| 6 | CTR | 61.7 | 61.6 | 191.220 |
| 7 | ELC | 10.5 | 10.15 | 547.810 |
| 8 | HPX | 3.46 | 3.46 | 319.420 |
| 9 | HVT | 19.6 | 19.5 | 32.260 |
| 10 | LIX | 24.25 | 22.95 | 18.540 |
| 11 | NSH | 3.8 | 3.7 | 10.760 |
| 12 | PDN | 79.7 | 75 | 10.660 |
| 13 | PLP | 3.22 | 3.16 | 78.080 |
| 14 | RYG | 7.52 | 7.4 | 13.760 |
| 15 | SGR | 9.6 | 9.28 | 41.200 |
| 16 | SJE | 8.6 | 8.6 | 44.180 |
| 17 | TDC | 6.1 | 06.01 | 41.980 |

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



## Cắt lên đường trung bình MA200

| STT | Mã | Giá | MA200 | KLTB 10 phiên |
|---|---|---|---|---|
| 1 | STB | 71.2 | 69 | 3.216.640 |

## Cắt lên đường trung bình MA20

| STT | Mã | Giá | MA20 | KLTB 10 phiên |
|---|---|---|---|---|
| 1 | BVB | 10.4 | 10.4 | 596.170 |
| 2 | SBT | 21.1 | 21.01 | 1.143.750 |
| 3 | VPX | 23.5 | 23.18 | 647480 |
| 4 | VTZ | 20.03 | 20.25 | 750.510 |

## Cắt lên đường trung bình MA50

| STT | Mã | Giá | MA50 | KLTB 10 phiên |
|---|---|---|---|---|
| 1 | STB | 71.2 | 70.37 | 3.216.640 |
| 2 | TCB | 21.85 | 21.83 | 12.048.990 |
| 3 | VTZ | 20.3 | 20.28 | 750510 |

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



## Cắt xuống đường trung bình MA200

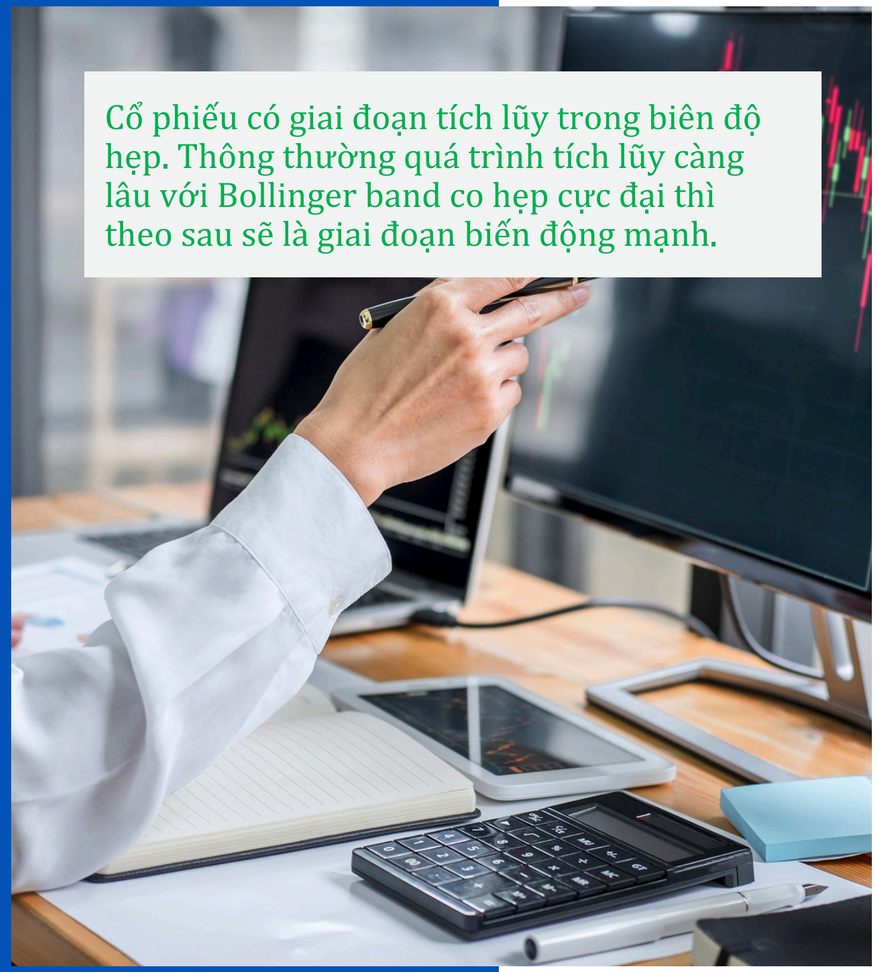
| STT | Mã | Giá | MA200 | KLTB 10 phiên |
|---|---|---|---|---|
| 1 | HCM | 22.95 | 23.2 | 4.805.960 |

## Cắt xuống đường trung bình MA50

| STT | Mã | Giá | MA50 | KLTB 10 phiên |
|---|---|---|---|---|
| 1 | FIT | 2.93 | 2.93 | 547.660 |
| 2 | NRC | 4.6 | 4.65 | 563.690 |
| 3 | PDR | 11.5 | 11.5 | 6285240 |
| 4 | VSC | 13.4 | 13.4 | 10.401.090 |

## Cắt xuống đường trung bình MA20

| STT | Mã | Giá | MA20 | KLTB 10 phiên |
|---|---|---|---|---|
| 1 | EVF | 11.7 | 11.74 | 1.155.860 |
| 2 | FIT | 2.93 | 2.93 | 547.660 |
| 3 | HSG | 10.9 | 10.92 | 3480590 |
| 4 | IDC | 35 | 35.14 | 776.010 |
| 5 | IJC | 07.01 | 07.09 | 1.236.740 |
| 7 | PDR | 11.5 | 11.59 | 6285240 |
| 8 | PHP | 44.5 | 44.81 | 534060 |
| 9 | VCG | 15.1 | 15.33 | 6111470 |



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

| STT | Mã CK | Ngày | Giá đóng cửa | Giá thấp nhất 3T | Giá cao nhất 3T | Biên độ % | KLTB 5 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NAF | 13/11/2026 | 48.05 | 47.7 | 48.7 | 2.1 | 249,980 |
| 2 | TCL | 13/11/2026 | 28.6 | 28.4 | 29.6 | 4.23 | 30,140 |
| 3 | SJD | 13/11/2026 | 14 | 13.75 | 14.35 | 4.36 | 102,440 |
| 4 | VTZ | 13/11/2026 | 20.3 | 20 | 20.9 | 4.5 | 767,760 |
| 5 | SCG | 13/11/2026 | 64.1 | 63.4 | 66.3 | 4.57 | 23,520 |
| 6 | VSH | 13/11/2026 | 40.05 | 39.04 | 40.94 | 4.87 | 17,580 |
| 7 | ODE | 13/11/2026 | 45.1 | 44.7 | 47 | 5.15 | 18,440 |
| 8 | CHP | 13/11/2026 | 26.2 | 25.5 | 26.85 | 5.29 | 5,600 |
| 9 | CLX | 13/11/2026 | 13 | 12.7 | 13.4 | 5.51 | 35,320 |
| 10 | KDC | 13/11/2026 | 50.2 | 49.35 | 52.5 | 6.38 | 52,300 |
| 11 | ICT | 13/11/2026 | 17 | 16.1 | 17.25 | 7.14 | 5,540 |
| 12 | MCM | 13/11/2026 | 25.8 | 25 | 26.95 | 7.8 | 16,880 |
| 13 | HTI | 13/11/2026 | 18.35 | 17.8 | 19.2 | 7.87 | 18,720 |
| 14 | SMB | 13/11/2026 | 40.4 | 38.7 | 41.9 | 8.27 | 5,020 |
| 15 | DVN | 13/11/2026 | 17.1 | 16.5 | 17.88 | 8.36 | 26,080 |
| 16 | NCT | 13/11/2026 | 79.6 | 79.6 | 86.3 | 8.42 | 23,660 |
| 17 | NBB | 13/11/2026 | 17.2 | 16.4 | 17.8 | 8.54 | 19,020 |
| 18 | HMC | 13/11/2026 | 10.6 | 10.2 | 11.1 | 8.82 | 7,780 |
| 19 | DVP | 13/11/2026 | 75 | 72.5 | 79.1 | 9.1 | 6,660 |
| 20 | HTG | 13/11/2026 | 35.1 | 32.55 | 35.6 | 9.37 | 8,840 |
| 21 | VNR | 13/11/2026 | 17.3 | 17 | 18.6 | 9.41 | 25,540 |
| 22 | BAF | 13/11/2026 | 30.95 | 28.55 | 31.25 | 9.46 | 1,455,960 |
| 23 | DHD | 11/11/2026 | 26.8 | 26 | 28.5 | 9.62 | 21,960 |

**Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư**

**Nguyễn Văn Thanh**

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

**Chiến lược giao dịch**

**Nguyễn Văn Thiệu**

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

**Cam kết phân tích**

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

**Khuyến nghị**

**CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.




## Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

## Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

**Hội sở chính**

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

**Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115